

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY DỰNG FLC FAROS**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 180/CBTT

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY  
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM**

Công ty: Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros

Mã chứng khoán: ROS

Địa chỉ trụ sở chính: Số 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (84.4) 3224 2600

Fax: (84.4) 3224 2601

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Bình Phương

Địa chỉ: Số 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (84.4) 3224 2600

Fax: (84.4) 3224 2601

Loại thông tin công bố  24 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ:

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2017 kèm công văn giải trình lợi nhuận

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/08/2017 tại đường dẫn: <http://faros.vn/Pages/8/co-dong.aspx>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2017 và công văn giải trình lợi nhuận

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN BÌNH PHƯƠNG**



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY DỰNG FLC FAROS**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 178 /2017/FAROS-CV

V/v: Giải trình Báo cáo KQKD soát xét

Bán niên năm 2017 Công ty mẹ

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2017

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần xây dựng FLC Faros xin gửi lời chào trân trọng tới Quý Ủy ban Chứng khoán và Quý Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty chúng tôi xin giải trình biến động kết quả sản xuất kinh doanh trên Báo cáo tài chính soát xét Bán niên năm 2017 so với Báo cáo tài chính kiểm toán Bán niên năm 2016 của Công ty mẹ với nội dung cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Sáu tháng đầu năm 2017 (VND)	Sáu tháng đầu năm 2016 (VND)	Tỷ lệ thay đổi
Tổng doanh thu	1.627.936.115.103	1.149.530.176.009	41,62%
Lợi nhuận sau thuế	167.715.627.567	143.164.405.460	17,15%

Nguyên nhân của sự gia tăng doanh thu là do Công ty đã mở rộng quy mô, ký được nhiều hợp đồng thi công có giá trị lớn nên doanh thu từ hoạt động xây lắp sáu tháng đầu năm 2017 tăng so với sáu tháng đầu năm 2016.

Doanh thu gia tăng dẫn tới lợi nhuận sau thuế tăng.

Trên đây là giải trình của Công ty chúng tôi về biến động kết quả sản xuất kinh doanh trong Báo cáo tài chính soát xét Bán niên năm 2017 của Công ty mẹ.

Rất mong nhận được sự quan tâm, giúp đỡ và hợp tác của Quý Cơ quan.

*Trân trọng cảm ơn!*

Nơi nhận :

- UB CKNN
- Sở GDCK TP.HCM
- Lưu VT



**Đỗ Quang Lâm**



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FLC FAROS**  
Địa chỉ: Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: 024 32242600 - Fax: 024 32242601

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FLC FAROS**  
*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017*  
Kèm theo

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP**

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**  
Số 3 Ngõ 1295 Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội  
Điện thoại: (024) 3 974 5081/82 Fax: (024) 3 974 5083

*Hà Nội, tháng 8 năm 2017*



## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang số</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo công tác soát xét	5 - 6
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2017	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 39



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo tài chính của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

**1. Thông tin chung**

Công ty cổ phần Xây dựng FLC Faros hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số: 0105167581 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 08 tháng 05 năm 2017. Theo đó:

**Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FLC FAROS**

**Tên viết tắt: FLC FAROS., JSC**

**Vốn điều lệ của Công ty: 4.300.000.000.000 đồng**

*(Bằng chữ: Bốn nghìn ba trăm tỷ đồng)*

**Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng**

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 348/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/08/2016.

**Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Đỗ Quang Lâm, Tổng Giám đốc.**

**Danh sách cổ đông góp vốn tại thời điểm 30/06/2017:**

Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ % góp vốn
1) Ông Trịnh Văn Quyết	289.558.755	2.895.587.550.000	67,34%
2) Công ty TNHH MTV FLC Land	22.489.000	224.890.000.000	5,23%
3) Cổ đông khác	117.952.245	1.179.522.450.000	27,43%
<b>Cộng</b>	<b>430.000.000</b>	<b>4.300.000.000</b>	<b>100%</b>

**Lĩnh vực hoạt động và ngành nghề kinh doanh của công ty:**

**Xây dựng và lắp đặt:**

- Các công trình dân dụng;
- Các công trình công nghiệp;
- Các công trình kỹ thuật hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp;
- Các công trình giao thông;
- Các công trình thủy lợi.

**Tư vấn thiết kế:**

- Thiết kế tổng thể mặt bằng xây dựng công trình;
- Thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế nội ngoại thất công trình;
- Thiết kế cấp nhiệt, thông hơi, thông gió, điều hòa không khí công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế phần cơ điện công trình.

**Tư vấn và quản lý:**

- Các công trình dân dụng;
- Các công trình công nghiệp;
- Các công trình kỹ thuật hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp;



- Các công trình giao thông;
- Các công trình thủy lợi.

**Kinh doanh bất động sản**

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

**Hoạt động kinh doanh khác:**

- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề (trừ loại Nhà nước cấm);
- Giáo dục thể thao và giải trí;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Dịch vụ ăn uống khác (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Bán buôn đồ uống; Quảng cáo.
- Vệ sinh văn phòng, căn hộ hoặc nhà riêng, nhà máy, cửa hàng;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động chiếu phim;
- Hoạt động thể thao khác;
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp (trừ kế toán, bảo vệ, bưu chính);
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình công ích;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;  
Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm các dịch vụ tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, chứng khoán);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: phiên dịch;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Đại lý du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;

**Ban lãnh đạo Công ty tại ngày lập Báo cáo bao gồm:**

**A Hội đồng quản trị:**

1 Ông Trịnh Văn Quyết	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 05/05/2017
2 Ông Đỗ Như Tuấn	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05/05/2017
3 Ông Doãn Văn Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/04/2016
4 Bà Nguyễn Bình Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/04/2017



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FLC FAROS**

Địa chỉ: Số 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

Điện thoại: 024 32242600 - Fax: 024 32242601

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**đính kèm Báo cáo tài chính*

5 Ông Lê Thành Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/04/2016
6 Bà Vũ Đặng Hải Yến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05/05/2017

**B Ban Tổng Giám đốc:**

1 Ông Đỗ Quang Lâm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05/05/2017
2 Bà Trần Thị Tố Dung	Phó Tổng Giám đốc TT	Bổ nhiệm ngày 03/02/2017
3 Ông Nguyễn Thiện Phú	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30/06/2015
4 Bà Nguyễn Bình Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/04/2016
5 Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/10/2015
6 Ông Nguyễn Xuân Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/10/2015
7 Ông Lê Tuấn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/09/2016

**C Ban kiểm soát**

1 Ông Nguyễn Văn Thanh	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 16/04/2016
2 Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05/05/2017
3 Ông Đinh Thái Hiệp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/04/2016

**2. Kiểm toán viên độc lập**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPAHANOI).

**3. Tại Báo cáo này Ban Tổng Giám đốc xin khẳng định những vấn đề sau đây:**

- Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.
- Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong Thuyết minh Báo cáo tài chính; phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

**Tổng Giám đốc****Đỗ Quang Lâm**

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2017





Số: 241/2017/BCKT/BCTC - CPA HANOI

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

QUÝ CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FLC FAROS

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Xây dựng FLC Faros được lập ngày 28/07/2017, từ trang 07 đến trang 39 bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả của chúng tôi. Chúng tôi đã soát xét theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410- Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính, kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 06 bản tiếng Việt, 06 bản bằng tiếng Anh các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty cổ phần Xây dựng FLC Faros giữ 05 bản bằng tiếng Việt, 05 bản bằng tiếng Anh, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản bằng tiếng Việt, 01 bản bằng tiếng Anh.



Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2017

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Ngọc Tinh**

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề*

Số: 0132-2013-016-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>3.214.658.286.631</b>	<b>4.784.028.796.696</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>208.052.643.421</b>	<b>236.528.901.566</b>
1. Tiền	111	V.01	208.052.643.421	186.528.901.566
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	50.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>864.178.358.209</b>	<b>2.014.137.180.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02a	864.178.358.209	2.014.137.180.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.522.684.111.078</b>	<b>1.663.538.578.706</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	830.078.520.782	644.997.079.689
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	549.212.521.896	934.669.049.037
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	143.393.068.400	83.872.449.980
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>601.769.520.817</b>	<b>806.717.581.878</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.06	601.769.520.817	806.717.581.878
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>17.973.653.106</b>	<b>63.106.554.546</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		14.951.465.518	7.391.549.410
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.022.187.588	55.715.005.136
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.117.501.518.338</b>	<b>2.876.327.887.974</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>16.371.139.584</b>	<b>21.931.543.428</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.07	16.371.139.584	21.931.543.428
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	V.08	<b>52.179.140.025</b>	<b>98.680.078.611</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		49.959.070.151	98.680.078.611
- Nguyên giá	222		62.072.538.828	112.577.982.368
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(12.113.468.677)	(13.897.903.757)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		2.220.069.874	-
- Nguyên giá	225		2.269.720.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(49.650.126)	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	V.9	<b>991.488.308.745</b>	<b>996.978.712.398</b>
- Nguyên giá	231		993.080.730.647	998.571.134.300
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(1.592.421.902)	(1.592.421.902)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>266.045.323.806</b>	<b>42.772.285.739</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		266.045.323.806	42.772.285.739
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.780.423.745.442</b>	<b>1.711.635.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10a	1.479.730.000.000	1.478.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10b	1.263.058.745.442	196.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.02b	37.635.000.000	37.635.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.993.860.736</b>	<b>4.330.267.798</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		10.993.860.736	4.330.267.798
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>7.332.159.804.969</b>	<b>7.660.356.684.670</b>

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017  
 (Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

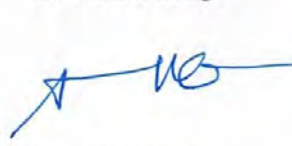
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.403.025.258.527</b>	<b>2.848.046.837.741</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.394.088.491.149</b>	<b>2.840.150.851.241</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	637.154.732.313	534.214.453.839
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	595.182.087.435	1.572.843.196.728
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	235.431.450.302	110.969.220.800
4. Phải trả người lao động	314		38.470.163.424	39.520.097.271
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	569.051.962.238	512.388.968.282
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	183.953.776.462	67.484.877.577
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	98.590.163.747	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		36.254.155.228	2.730.036.744
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>8.936.767.378</b>	<b>7.895.986.500</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	8.936.767.378	7.895.986.500
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>4.929.134.546.442</b>	<b>4.812.309.846.929</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>4.929.134.546.442</b>	<b>4.812.309.846.929</b>
1. Vốn góp chủ sở hữu	411		4.300.000.000.000	4.300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.300.000.000.000	4.300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(70.000.000)	(70.000.000)
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421		629.204.546.442	512.379.846.929
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		461.488.918.875	111.696.854.227
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		167.715.627.567	400.682.992.702
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>7.332.159.804.969</b>	<b>7.660.356.684.670</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Thảo

Kế toán trưởng



Lê Mạnh Hùng

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2017

**Tổng Giám đốc**



**Đỗ Quang Lâm**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Kỳ này	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Kỳ trước
1	2	3	5	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	1.564.909.441.237	1.056.396.309.283
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.02	1.564.909.441.237	1.056.396.309.283
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	1.394.888.763.141	958.405.789.209
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		170.020.678.096	97.990.520.074
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	61.817.673.313	93.111.658.313
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	3.366.230.670	185.674.397
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.366.230.670	46.132.125
8. Chi phí bán hàng	24	VI.06	6.940.601.134	2.445.875.412
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	13.860.740.964	9.370.248.376
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+(25+26)}	30		207.670.778.641	179.100.380.202
11. Thu nhập khác	31	VI.07	1.209.000.553	22.208.413
12. Chi phí khác	32	VI.08	147.240.231	134.841.432
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.061.760.322	(112.633.019)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		208.732.538.963	178.987.747.183
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	41.016.911.396	35.823.341.723
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		167.715.627.567	143.164.405.460
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Thảo

Kế toán trưởng



Lê Mạnh Hùng

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2017

Tổng Giám đốc



Đỗ Quang Lâm



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	208.732.538.963	101.087.348.338
2. Điều chỉnh do các khoản		(52.408.376.799)	(43.691.044.604)
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	6.043.065.844	1.953.921.374
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(61.817.673.313)	(45.765.229.992)
- Chi phí lãi vay	06	3.366.230.670	120.264.014
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	156.324.162.164	57.396.303.734
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	251.438.012.809	(437.285.230.008)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	204.948.061.061	(278.850.889.805)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(569.174.202.655)	481.763.036.322
- Tăng, giảm chi phí trả trước	13	(14.223.509.046)	(169.330.738)
- Tiền lãi vay đã trả	15	(3.366.230.670)	(120.264.014)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(22.500.000.000)	(213.039.546)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	400.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	18	(368.100.000)	(400.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>3.078.193.663</b>	<b>(177.479.414.055)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(221.581.739.638)	(2.184.626.690)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(1.071.300.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.149.958.821.791	693.400.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.068.788.745.442)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.226.266.856	72.228.122
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(131.185.396.433)</b>	<b>(380.012.398.568)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	462.500.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	187.657.866.455	77.961.627.542
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(87.615.565.208)	-
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(411.356.622)	-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>99.630.944.625</b>	<b>540.461.627.542</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(28.476.258.145)</b>	<b>(17.030.185.081)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>236.528.901.566</b>	<b>42.451.012.265</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>208.052.643.421</b>	<b>25.420.827.184</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Thu Thảo

  
Lê Mạnh Hùng

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2017

Tổng Giám đốc  
  
Đỗ Quang Lâm



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros (gọi tắt "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số: 0105167581 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 08 tháng 05 năm 2017. Theo đó:

**Tên công ty:** Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros

**Tên giao dịch quốc tế:** FLC FAROS CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY  
(FLC FAROS., JSC).

**Vốn điều lệ:** 4.300.000.000.000 đồng (Bốn nghìn ba trăm tỷ đồng)

**Địa chỉ:** Số 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

- 2. Lĩnh vực hoạt động:** Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng và đầu tư kinh doanh bất động sản.
- 3. Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng của Dự án cho đến thời điểm hoàn thiện và bàn giao cho chủ đầu tư, do vậy chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty có thể kéo dài trên 12 tháng.

**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (đồng).

**III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Thông tư bổ sung, sửa đổi kèm theo.

- 2. Hình thức kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung.
- 3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:**

Ban lãnh đạo Công ty cổ phần Xây dựng FLC Faros tuyên bố Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các Chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty đã áp dụng để ghi sổ và lập Báo cáo tài chính

**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:**

**Nguyên tắc xác định các khoản tiền:**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

**Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:**



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

*Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017*

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### 2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

**Phải thu của khách hàng:** phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ.

**Phải thu khác:** phản ánh các khoản nợ phải thu ngoài phạm vi đã phản ánh ở phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu này.

Các khoản phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác tại thời điểm lập báo cáo, căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán.

#### **Lập dự phòng phải thu khó đòi :**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

**Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí theo từng công trình.

### 4. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ:

**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình:**

- Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

- Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

**Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình:**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017**

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Loại tài sản</b>	<b>Thời gian KH</b>
Máy móc thiết bị	6 - 12 năm
Phương tiện vận tải	3 - 8 năm
Thiết bị quản lý	3 - 4 năm

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Đối với bất động sản nắm giữ chờ tăng giá không thực hiện trích khấu hao.

**6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này. Thời gian phân bổ từ 1 đến 3 năm.

**7. Các khoản đầu tư tài chính*****Đầu tư vào Công ty con***

Các khoản đầu tư vào Công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty.

***Đầu tư vào Công ty liên kết***

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty.

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá có thể thu hồi được, các khoản suy giảm giá trị đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

***Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư***

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư góp vốn được lập theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 06 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

**8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo yêu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả tại thời điểm lập báo cáo, căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả, nếu:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017*

. Có thời hạn phải trả hoặc thanh toán không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.

. Có thời hạn phải trả hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải trả bán có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

**9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản vay có thời gian trả nợ trên 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả dưới 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến đến phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu phát hành cao hơn mệnh giá), thặng dư âm (nếu phát hành thấp hơn mệnh giá).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ ở Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính riêng sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ các giao dịch giá rẻ.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các cổ đông trên tỷ lệ cổ phiếu sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác:**

Doanh thu:

*Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như: người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017**

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận đồng thời khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - Có khả năng thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ;
  - Có xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính;
  - Xác định được chi phí phát sinh cho các giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành

**Doanh thu bán bất động sản:**

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản cũng như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được hoặc thu được các lợi ích kinh tế từ các giao dịch bán bất động sản;
- Xác định các chi phí liên quan đến giao dịch bất động sản;

Trường hợp bán bất động sản theo hình thức khách hàng hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi nhận doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

- Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh thu liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty sẽ thu được các lợi ích kinh tế từ các giao dịch bán nền đất;

**Doanh thu hoạt động xây dựng:**

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu;

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập;

**Doanh thu hoạt động tài chính**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, và các khoản doanh thu từ hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

*Thu nhập khác*: các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh gồm: thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ, chênh lệch đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn, tiền phạt, tiền bồi thường và các khoản thu nhập khác.

**13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán:**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành của sản phẩm xây lắp đã bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:**

*Chi phí tài chính*: Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

*Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp*: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.**

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong kỳ hiện tại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

*Cơ sở lập báo cáo tài chính*: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

**17. Các bên liên quan**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017*

Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều bên trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả Công ty mẹ, Công ty con và Công liên kết;
- Cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với những Công ty, những nhân sự cao cấp, chủ chốt quản lý của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp;

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ**

Đơn vị tính: đồng

1. Tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Tiền mặt</i>	3.242.448.051	3.383.237.319
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	122.510.195.370	183.145.664.247
<i>Tiền đang chuyển</i>	82.300.000.000	-
<i>Các khoản tương đương tiền</i>	-	50.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>208.052.643.421</b>	<b>236.528.901.566</b>
<b>2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn</b>	<b>864.178.358.209</b>	<b>2.014.137.180.000</b>
Công ty TNHH đầu tư TM và XNK DAMEXCO	16.678.358.209	597.577.180.000
Công ty Cổ phần FLC Golf & Resort	121.650.000.000	589.000.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Vườn thú Faros	-	1.010.000.000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Thương Mại SCO	326.700.000.000	405.400.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Xây Dựng Phương Đông	399.150.000.000	421.150.000.000
<b>b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn</b>	<b>37.635.000.000</b>	<b>37.635.000.000</b>
Công ty Cổ phần FLC Travel	37.635.000.000	37.635.000.000
<b>Cộng</b>	<b>901.813.358.209</b>	<b>2.051.772.180.000</b>
<b>3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty Cổ phần xây lắp công trình Việt Hàn	42.717.393.512	-
Công ty Cổ phần đầu tư Địa ốc Alaska	58.386.100.544	56.643.115.160
Công ty Cổ phần FLC Travel	8.438.279.096	497.488.096
Công ty Cổ phần FLC Golf & Resort	216.664.343.417	327.624.343.417
Công ty TNHH BOT Khai Thác Quản lý Bãi Biển FLC Sầm S	27.969.922.000	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Thương Mại SCO	89.636.215.662	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng An Du	161.700.876.930	-
Công ty TNHH Đầu tư và Xây Dựng Phương Đông	164.735.498.516	254.080.498.516
Công ty Cổ phần Quản lý sân Golf BISCOM	55.853.233.860	-
Các đối tượng khác	3.976.657.245	6.151.634.500
<b>Cộng</b>	<b>830.078.520.782</b>	<b>644.997.079.689</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV đầu tư Nam Khánh	7.941.935.409	10.103.170.782
Công ty CP tư vấn thiết kế xây dựng hạ tầng Việt Á	5.350.000.000	5.350.000.000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Thương Mại SCO	-	154.300.000.000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng An Du	247.500.448.683	493.170.448.683
Công ty TNHH Thạch Phú Lộc	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty TNHH MTV Nam Sơn Bình Định	5.260.000.000	5.260.000.000
Công ty CP đầu tư PA Việt Nam	3.021.000.000	3.021.000.000
Công ty CP đầu tư và phát triển Bắc Hưng Hải	7.692.913.609	7.692.913.609
Công ty CP tư vấn và đầu tư xây dựng ECC	21.756.906.450	21.756.906.450
Công ty CP thương mại và xây dựng Vạn Xuân	5.713.873.193	5.713.873.193
Công ty CP xây dựng và BĐS An Việt	16.471.745.208	16.471.745.208
Công ty TNHH đầu tư xây dựng Hoàng Long	19.096.961.265	19.096.961.265
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Thuận Hải	4.150.000.000	4.150.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng và TTNT Mười Dục	25.540.000.000	25.540.000.000
Công ty TNHH Sen Vàng Hoa Lư	26.523.451.623	26.523.451.623
Công ty TNHH Vận tải và xây dựng Sơn Tuyết	4.180.000.000	4.180.000.000
Công ty TNHH xử lý nền đất yếu Bình Định	12.265.519.303	17.937.326.191
Công ty TNHH dịch vụ và thương mại Thịnh Cường	11.896.030.273	11.896.030.273
Công ty Cổ phần tập đoàn FLC	23.769.077.575	-
Công ty Cổ phần THQ TECHFO	10.996.120.926	-
Các đối tượng khác	86.586.538.379	99.005.221.760
<b>Cộng</b>	<b><u>549.212.521.896</u></b>	<b><u>934.669.049.037</u></b>
5. Phải thu ngắn hạn khác	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Tạm ứng</b>	<b>5.526.921.795</b>	<b>2.523.388.955</b>
<b>Phải thu khác</b>	<b>137.866.146.605</b>	<b>81.349.061.025</b>
Công ty TNHH đầu tư TM và XNK DAMEXCO	27.716.135.985	13.251.570.513
Công ty Cổ phần FLC Golf & Resort	37.844.253.016	26.088.727.002
Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Vườn thú Faros	-	36.100.273
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Thương Mại SCO	30.875.249.314	15.284.010.959
Công ty TNHH Đầu tư và Xây Dựng Phương Đông	19.262.501.370	461.008.219
Công ty Cổ phần xây dựng Rosland	658.144.985	658.144.985
Các đối tượng khác	21.509.861.935	25.569.499.074
<b>Cộng</b>	<b><u>143.393.068.400</u></b>	<b><u>83.872.449.980</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

6. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	444.015.917.258	-	457.407.550.479	-
Hàng hóa bất động sản	157.753.603.559	-	349.310.031.399	-
<b>Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>601.769.520.817</b>	<b>-</b>	<b>806.717.581.878</b>	<b>-</b>
<b>7. Phải thu dài hạn khác</b>			<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty TNHH đầu tư TM và XNK DAMEXCO			12.714.777.014	12.714.777.014
Công ty TNHH Newland Holdings Việt Nam			-	3.901.686.182
Công ty Cổ phần FLC Travel			3.526.362.570	2.593.220.670
Phải thu dài hạn khác			130.000.000	2.721.859.562
<b>Cộng</b>			<b>16.371.139.584</b>	<b>21.931.543.428</b>
<b>8. Tài sản cố định</b>				
Tài sản cố định hữu hình <Chi tiết tại phụ lục số 01A>				
Tài sản cố định thuê tài chính <Chi tiết tại phụ lục số 01B>				
<b>9. Bất động sản đầu tư &lt;Chi tiết tại phụ lục số 02&gt;</b>				
<b>10. Đầu tư dài hạn</b>			<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a. Đầu tư vào công ty con</b>			<b>1.479.730.000.000</b>	<b>1.478.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần đầu tư tài chính và Quản lý tài sản RTS			800.000.000.000	800.000.000.000
Công ty Cổ phần vườn thú Faros			45.000.000.000	45.000.000.000
Công ty Cổ phần FLC Travel			633.000.000.000	633.000.000.000
Công ty TNHH đầu tư và phát triển FLC Faros Vân Đồn			1.720.000.000	-
Công ty TNHH đầu tư và phát triển FLC Faros Bình Định			10.000.000	-
<b>b. Đầu tư vào công ty liên kết</b>			<b>1.263.058.745.442</b>	<b>196.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần Rosland			196.000.000.000	196.000.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư và khoáng sản AMD Group (*)			267.058.745.442	-
Công ty Cổ phần Quản lý sân Golf BISCO (**)			800.000.000.000	-
<b>Cộng</b>			<b>2.742.788.745.442</b>	<b>1.674.000.000.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(\*). Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần đầu tư và khoáng sản AMD Group, số tiền 267.058.745.442 đồng được thực hiện theo Nghị quyết số 19/2017/NQ - HĐQT - FLC FAROS của Chủ tịch Hội đồng quản trị ngày 31/05/2017.

(\*\*). Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Quản lý sân Golf BISCOM, số tiền 800.000.000.000 đồng được thực hiện theo Nghị quyết số 13/2017/NQ - HĐQT - FLC FAROS của Chủ tịch Hội đồng quản trị ngày 03/04/2017. Theo đó, Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros nhận chuyển nhượng lại phần vốn của Bà Nguyễn Thị Hồng Dung và Bà Nguyễn Thị Phú theo giá thỏa thuận.

Tên đơn vị thành viên	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ quyền kiểm soát	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<b>a Công ty con</b>				
1. Công ty Cổ phần đầu tư tài chính và Quản lý tài sản RTS	Số 18A đường Phạm Hùng, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội	100,00%	100,00%	Xây dựng, kinh doanh BĐS, buôn bán máy móc thiết bị, vật tư, hàng hóa.
2. Công ty Cổ phần vườn thú Faros	Khu số 4 - Khu du lịch biển Nhơn Lý - Cát Tiến - xã Nhơn Lý - Tp. Quy Nhơn.	90,00%	90,00%	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi, hoạt động các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên.
3. Công ty Cổ phần FLC Travel	Khu trung, Quốc lộ 13, xã Vĩnh Thịnh, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	63,30%	63,30%	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi, trồng trọt, vận chuyển và du lịch nội địa và quốc tế.
4. Công ty TNHH đầu tư và phát triển FLC Faros Vân Đồn	Số nhà 32, ngõ 18 đường Nguyễn Văn Cừ, P. Hồng Hải, TP Hạ Long	100,00%	100,00%	Xây dựng, kinh doanh Bất động sản
5. Công ty TNHH đầu tư và phát triển FLC Faros Bình Định	Điểm số 4, khu du lịch Biển Nhơn Lý_Cát tiến, xã Nhơn Lý, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	100,00%	100,00%	Xây dựng, kinh doanh Bất động sản
<b>b Công ty liên doanh, liên kết</b>				
1. Công ty Cổ phần Rosland	BT7_3, khu đô thị Xuân Phương,	49,00%	49,00%	Xây dựng chuyên dụng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

2. Công ty cổ phần đầu tư và khoáng sản AMD Group	Tầng 4, tòa nhà Suced, số 108 Phố Nguyễn Hoàng, P.Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	24,90%	24,90%	Khai thác đá cát sỏi đất sét. Kinh doanh BĐS
3. Công ty Cổ phần Quản lý sân Golf BISCOM	Tầng 2, toàn nhà FLC Land mark Tower, Lê Đức Thọ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	40,00%	40,00%	Hoạt động kinh doanh giải trí, dịch vụ lưu trú ngắn hạn..

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Việt Đài	676.113.670	11.865.193.698
Công ty CP công nghiệp Châu Á	3.994.812.694	3.288.155.394
Công ty Cổ phần tập đoàn FLC	-	94.958.050.311
Công ty CP liên doanh đầu tư quốc tế KLF	38.070.000	6.090.514.990
Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại Vân Long	331.760	33.179.331.760
Công ty TNHH Một Thành Viên FLC Land	108.758.073.222	32.026.878.379
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Đông Sơn	42.258.583.761	5.287.363.166
Công ty CP DGI	323.588.202	7.364.918.202
Công ty Cổ phần Sao vàng Thời đại	3.278.562.595	3.778.562.595
Công ty CP Thương Mại Dịch vụ Cao Nguyên Xanh Vina	4.705.154.671	3.541.353.076
Công ty TNHH đầu tư và phát triển Địa ốc HAI	916.135.589	410.702.403
Công ty TNHH Hương Giang	3.847.220.450	6.101.634.950
Công ty Cổ phần LICOGI 13 Nền móng xây dựng	6.395.639.698	9.928.258.904
Công ty CP đầu tư thương mại & Kỹ Thuật Hòa Bình	2.327.874.077	7.064.805.870
Công ty CP đầu tư xây dựng Hà Nội H & H	1.038.001.000	1.038.001.000
Công ty CP phát triển công nghệ Lam Sơn	1.877.214.847	3.869.394.171
Công ty Cổ Phần TP	766.059.613	2.799.753.414
Công ty CP tư vấn đầu tư và xây dựng Hưng Thịnh	2.503.780.865	3.719.738.106
Công ty CP Thương mại Thanh Bình	-	125.999.964
Công ty CP xây dựng và đầu tư Vinacona	333.901.642	718.462.200
Công ty TNHH Hoàng Yến Thành	-	1.231.313.292
Công ty TNHH Nhất Hà	686.780.400	686.780.400
Công ty TNHH Vận tải Trường Phát	5.566.708.195	428.413.051
Công ty TNHH Xây dựng Lập Thành	1.769.127.979	1.769.127.979
Công ty Cổ phần EUROWINDOW - Eurowindow JSC	9.220.262.155	10.836.250.655
Công ty TNHH dịch vụ công trình Minh Khang	623.459.379	856.395.858
Công ty TNHH Giang Long	6.718.415.251	6.315.028.997
Công ty TNHH Thế Sơn	748.716.000	771.440.000
Công ty Cổ phần xây dựng Quang Thanh	2.445.468.227	3.745.468.227



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Công ty TNHH MTV Linh Anh Quảng Ninh	4.782.834.883	10.966.853.181
Công ty TNHH Xây dựng Hòa Phước	6.915.023.650	3.184.071.000
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Vương Minh	7.916.464.487	10.813.470.138
Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Techco	2.304.059.920	3.521.366.070
Công ty TNHH xây dựng thương mại KOMIX	-	300.000.000
Công ty CP hóa chất và vật tư khoa học kỹ thuật	38.694.101.966	29.037.368.382
CN Công ty CP VINACONEX 21 - XN SXKD vật liệu xây dựng	4.678.252.727	5.462.630.000
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Chí Khang	1.563.022.700	3.568.032.000
Công ty TNHH Thương mại Thu Hương	2.042.144.462	16.561.987.730
Công ty TNHH Bê tông Phú Tài	4.592.560.000	5.322.767.500
Công ty sản xuất và thương mại Vĩnh Sáng (TNHH)	3.672.676.770	9.000.015.450
Công ty CP thép và Thương mại Hà Nội	8.429.358.795	4.016.735.715
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Thép Bắc Việt	54.144.024.318	26.231.153.608
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Thương Mại SCO	66.671.788.861	-
Công ty TNHH Đầu tư và Xây Dựng Phương Đông	28.170.253.128	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu và dịch vụ Quảng Ninh	16.910.678.699	-
Công ty TNHH xây dựng Bình Định	17.773.733.227	-
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Quang Thắng	15.755.918.990	-
Công ty TNHH Đá Xây Dựng VIC	5.517.610.444	842.021.955
Công ty CP đầu tư Sông Đà-Việt Đức	5.011.905.000	-
Công ty Cổ phần thép Bắc Hà	-	11.224.796.414
Các đối tượng khác	129.790.263.344	130.363.893.684
<b>Cộng</b>	<b>637.154.732.313</b>	<b>534.214.453.839</b>

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty Cổ phần tập đoàn FLC	431.311.048.556	1.169.941.340.436
Công ty TNHH đầu tư & quản lý toà nhà ION COMPLEX	68.082.608.893	210.057.233.441
Công ty Cổ phần địa ốc STAR Hà Nội	72.975.758.603	131.105.972.851
Công ty Cổ phần đầu tư tài chính và Quản lý tài sản RTS	22.812.671.383	-
Các đối tượng khác	-	61.738.650.000
<b>Cộng</b>	<b>595.182.087.435</b>	<b>1.572.843.196.728</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT	-	3.837.626.311	1.000.000.000	2.837.626.311
Thuế thu nhập doanh nghiệp	101.272.831.262	51.521.678.816	22.500.000.000	130.294.510.078
Thuế thu nhập cá nhân	679.319.131	5.129.814.220	199.366.173	5.609.767.178
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	103.252.321.633	20.700.000.000	82.552.321.633
Các loại thuế khác	9.017.070.407	5.126.154.695	6.000.000	14.137.225.102
<b>Cộng</b>	<b>110.969.220.800</b>	<b>168.867.595.675</b>	<b>44.405.366.173</b>	<b>235.431.450.302</b>

**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước tiền lương CNV	-	7.633.089.600
Trích trước chi phí các dự án	569.051.962.238	504.755.878.682
DA 18 Phạm Hùng	-	311.000.000
DA 265 Cầu Giấy	47.562.103.743	24.772.321.430
DA 36 Phạm Hùng	-	25.286.000.000
DA 418 Quang Trung	23.983.986.499	13.036.388.183
DA tổ hợp KS 5 sao, TTTM và nhà ở KĐT TMDV Quy Nhơn	-	4.788.956.251
Dự án Bình Định	48.770.739.467	123.189.741.462
DA FLC Garden City - Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	-	18.746.999.819
DA Ecohouse Long Biên	173.646.356	535.129.249
Dự án Quảng Ninh	-	58.993.396.724
Dự án Sầm Sơn	309.673.174.766	234.316.202.363
DA Không gian biển Sầm Sơn	19.909.897.968	-
SS_San lấp và làm hạ tầng khu giai đoạn 2	76.856.397.923	-
SS_Khách sạn 15 tầng giai đoạn 2	33.515.372.923	-
Công viên Hoang dã Safari	-	779.743.201
Chi phí trích trước khác	8.606.642.593	-
<b>Cộng</b>	<b>569.051.962.238</b>	<b>512.388.968.282</b>

**15. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	-	241.044
Bảo hiểm xã hội	2.558.284.582	1.253.525.238
Bảo hiểm y tế	519.617.688	310.702.334
Bảo hiểm thất nghiệp	211.183.420	113.251.662
Phải trả phải nộp khác	180.638.961.638	65.688.506.822
+ Phải trả phải nộp tại dự án Sea tower:	165.185.460.305	37.601.239.569
+ Phải trả phải nộp khác	15.453.501.333	28.087.267.253
Dư Có các tài khoản phải thu	25.729.134	118.650.477
<b>Cộng</b>	<b>183.953.776.462</b>	<b>67.484.877.577</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

16. Vay và nợ thuê tài chính	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	98.590.163.747	-
HDBank - CN Bình Định	73.959.847.243	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc dân- CN Hà Nội	24.630.316.504	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	8.936.767.378	7.895.986.500
Ngân hàng TMCP đại chúng Việt Nam, CN Quảng Ninh.	2.600.000.000	2.900.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc dân	3.848.404.000	4.276.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Tây Hà Nội	630.000.000	719.986.500
Công ty cho thuê TC TNHH MTV ngân hàng TMCP công thư	1.858.363.378	-
<b>Cộng</b>	<b><u>107.526.931.125</u></b>	<b><u>7.895.986.500</u></b>

Tình hình tăng giảm và khả năng trả nợ vay <Chi tiết tại Phụ lục số 03>

**17. Vốn chủ sở hữu****17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu <Chi tiết tại Phụ lục số 04>**

17.2 Chi tiết vốn cơ cấu tỷ lệ cổ đông sở hữu	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông		
- Ông Trịnh Văn Quyết	2.895.587.550.000	2.895.587.550.000
- Công ty TNHH MTV FLC Land	224.890.000.000	224.890.000.000
- Cổ đông khác	1.179.522.450.000	1.179.522.450.000
<b>Cộng</b>	<b><u>4.300.000.000.000</u></b>	<b><u>4.300.000.000.000</u></b>

**17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:**

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u>
- Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	4.300.000.000.000	3.037.500.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	1.262.500.000.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	4.300.000.000.000	4.300.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

17.4 Cổ phiếu	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	430.000.000	430.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:	430.000.000	430.000.000
Cổ phiếu phổ thông	430.000.000	430.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi:	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	430.000.000	430.000.000
Cổ phiếu phổ thông	430.000.000	430.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ***Đơn vị tính: đồng*

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Doanh thu bán hàng hóa	269.923.200.941	83.047.888.760
Doanh thu hoạt động xây dựng	1.268.878.800.661	973.042.983.045
Doanh thu cung cấp dịch vụ	26.107.439.635	305.437.478
<b>Cộng</b>	<b><u>1.564.909.441.237</u></b>	<b><u>1.056.396.309.283</u></b>
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Doanh thu bán hàng hóa	269.923.200.941	83.047.888.760
Doanh thu hoạt động xây dựng	1.268.878.800.661	973.042.983.045
Doanh thu cung cấp dịch vụ	26.107.439.635	305.437.478
<b>Cộng</b>	<b><u>1.564.909.441.237</u></b>	<b><u>1.056.396.309.283</u></b>
3. Giá vốn hàng bán	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Giá vốn của hàng hóa đã bán	251.136.897.545	82.250.406.314
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	1.129.646.907.282	876.155.382.895
Giá vốn dịch vụ	14.104.958.314	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.394.888.763.141</u></b>	<b><u>958.405.789.209</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

	<u>Từ 01/01/2017</u> <u>đến 30/06/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/06/2016</u>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	61.817.673.313	93.111.658.313
<b>Cộng</b>	<b><u>61.817.673.313</u></b>	<b><u>93.111.658.313</u></b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	3.366.230.670	185.674.397
<b>Cộng</b>	<b><u>3.366.230.670</u></b>	<b><u>185.674.397</u></b>
<b>6. Chi phí SXKD theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	561.788.706.465	451.015.473.398
Chi phí cho nhân công	235.867.479.404	130.237.799.963
Chi phí CCDC	7.854.466.546	3.462.200.740
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.043.065.844	5.032.077.305
Thuế phí và lệ phí	431.731.070	359.119.591
Chi phí dịch vụ mua ngoài	314.023.680.261	718.077.733.797
Chi phí bằng tiền khác	116.575.690.146	5.721.205.059
<b>Cộng</b>	<b><u>1.242.584.819.736</u></b>	<b><u>1.313.905.609.853</u></b>
<b>6.1 Chi phí sản xuất</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	561.788.706.465	451.015.473.398
Chi phí cho nhân viên	228.913.291.413	125.490.352.329
Chi phí đồ dùng	7.251.741.594	3.183.762.960
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.612.132.788	4.875.452.579
Chi phí dịch vụ mua ngoài	304.673.368.160	714.912.011.521
Chi phí bằng tiền khác	113.544.237.218	2.612.433.278
<b>Cộng</b>	<b><u>1.221.783.477.638</u></b>	<b><u>1.302.089.486.065</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

<b>6.2 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		
Chi phí cho nhân viên	6.954.187.991	4.747.447.634
Chi phí đồ dùng văn phòng	602.724.952	278.437.780
Chi phí khấu hao TSCĐ	430.933.056	156.624.726
Thuế phí và lệ phí	431.731.070	359.119.591
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.350.312.101	3.165.722.276
Chi phí bằng tiền khác	3.031.452.928	3.108.771.781
<b>Cộng</b>	<b>20.801.342.098</b>	<b>11.816.123.788</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	1.055.448.338	-
Thu nhập khác	153.552.215	22.208.413
<b>Cộng</b>	<b>1.209.000.553</b>	<b>22.208.413</b>
<b>8. Chi phí khác</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>
Chi phí thanh lý TSCĐ	-	130.325.613
Chi phí khác	147.240.231	4.515.819
<b>Cộng</b>	<b>147.240.231</b>	<b>134.841.432</b>
<b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế:</b>	<b>208.732.538.963</b>	<b>178.987.747.183</b>
Các khoản điều chỉnh tăng:	975.208.017	128.961.432
<b>Tổng thu nhập chịu thuế:</b>	<b>209.707.746.980</b>	<b>179.116.708.615</b>
Thuế suất thuế TNDN:	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	41.941.549.396	35.823.341.723
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay.	(924.638.000)	-
<b>Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>41.016.911.396</b>	<b>35.823.341.723</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Công cụ tài chính:****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.16, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số IV.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2017 (đồng)	01/01/2017 (đồng)
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	208.052.643.421	236.528.901.566
Phải thu khách hàng và phải thu khác	989.842.728.766	750.801.073.097
Các khoản Đầu tư tài chính	3.644.602.103.651	3.725.772.180.000
<b>Cộng</b>	<b>4.842.497.475.838</b>	<b>4.713.102.154.663</b>
<b>Công cụ nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	107.526.931.125	7.895.986.500
Phải trả người bán và phải trả khác	821.108.508.775	601.699.331.416
Chi phí phải trả	569.051.962.238	512.388.968.282
<b>Cộng</b>	<b>1.497.687.402.138</b>	<b>1.121.984.286.198</b>

Công ty chưa đánh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***Quản lý rủi ro lãi suất*

Rủi ro về lãi suất là rủi ro về giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về lãi suất là rủi ro của công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay. Công ty không có bất kỳ rủi ro lãi suất trọng yếu nào vì Công ty chỉ quan hệ giao dịch truyền thống lâu năm với các ngân hàng uy tín và được ngân hàng ưu đãi với mức lãi suất thấp nhất, có lợi nhất cho công ty.

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của Công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

<b>Tại ngày 01/01/2017</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1-5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	601.699.331.416	-	601.699.331.416
Chi phí phải trả	512.388.968.282	-	512.388.968.282
Các khoản vay	-	7.895.986.500	7.895.986.500
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1-5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	821.108.508.775	-	821.108.508.775
Chi phí phải trả	569.051.962.238	-	569.051.962.238
Các khoản vay	98.590.163.747	8.936.767.378	107.526.931.125



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**2. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ và lập Báo cáo tài chính**

Công ty đã thực hiện phát hành 42.999.999 cổ phần để trả cổ tức, qua đó tăng vốn từ 4.300.000.000.000 tỷ đồng lên 4.729.999.990.000 đồng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 25/7/2017 về việc tăng vốn lên 4.729.999.990.000 đồng.

**3. Thông tin về các bên liên quan**

**3.1 Danh sách các bên liên quan**

	<u>Tỷ lệ góp vốn (%)</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP đầu tư tài chính và Quản lý tài sản RTS	100%	Công ty con cấp 1
Công ty CP Vườn thú FAROS	90%	Công ty con cấp 1
Công ty Cổ phần FLC Travel	63,30%	Công ty con cấp 1
Công ty Cổ phần đầu tư & phát triển FLC Faros Vân Đồn	100%	Công ty con cấp 1
Công ty Cổ phần đầu tư & phát triển FLC Faros Bình Định	100%	Công ty con cấp 1
Công ty Cổ phần Công nghệ OTP FLC	90%	Công ty con cấp 2
Công ty Cổ phần Rosland	49%	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần đầu tư & khoáng sản AMD Group	24,90%	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Quản lý sân golf BISCO	40%	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV FLC Land		Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC Group		Ô. Trịnh Văn Quyết, Chủ tịch HĐQT của FLC đồng thời là Chủ tịch HĐQT của Cty CP Xây dựng FLC Faros

**3.2 Nghiệp vụ phát sinh với bên liên quan**

Những giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ bao gồm

<i>Bên liên quan</i>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty Cổ phần FLC Travel	Cung cấp dịch vụ	10.491.628.180	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	Khối lượng xây lắp hoàn thành	940.047.420.022	894.462.338.180
Công ty CP đầu tư tài chính và Quản lý tài sản RTS	Khối lượng xây lắp hoàn thành	69.657.194.197	-
Công ty Cổ phần Công nghệ OTP FLC	Mua vật liệu	3.737.194.571	12.994.916.399
Công ty CP ĐT & PT FLC Vân Đồn	Góp vốn bằng tiền	1.720.000.000	-
Công ty CP ĐT & PT FLC Bình Định	Góp vốn bằng tiền	10.000.000	-
Công ty Cổ phần đầu tư và khoáng sản AMD Group	Góp vốn bằng tiền	267.058.745.442	-
Công ty Cổ phần Quản lý sân Golf BISCO	Góp vốn bằng tiền	800.000.000.000	-
Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Vườn thú Faros	Thu hồi tiền từ hoạt động ủy thác đầu tư	1.010.000.000	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Số dư với bên liên quan		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Đầu tư và phát triển vườn thú Faros	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	1.010.000.000
Công ty CP FLC Travel	Phải thu	8.438.297.096	497.488.096
Công ty CP Quản lý Sân golf Biscom	Phải thu	55.853.233.860	-
Công ty CP tập đoàn FLC	Trả trước cho người bán	23.769.077.575	-
Công ty CP Đầu tư và phát triển vườn thú Faros	Phải thu ngắn hạn khác	-	36.100.273
Công ty CP Xây dựng Rosland	Phải thu ngắn hạn	658.144.985	658.144.985
Công ty CP FLC Travel	Phải thu dài hạn	3.526.362.570	2.593.220.670
Công ty CP tập đoàn FLC	Tạm ứng công trình	431.311.048.556	1.169.941.340.436
Công ty CP đầu tư tài chính và Quản lý tài sản RTS	Tạm ứng công trình	22.812.671.383	-

**4. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán ASC.

**5. Thông tin khác**

**- Thông tin về hoạt động liên tục**

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm tiếp theo.

**- Báo cáo bộ phận**

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

**Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty**

	Kinh doanh thương mại (bao gồm bất động sản)	Kinh doanh xây lắp	Tổng cộng
Tổng doanh thu thuần	296.030.640.576	1.268.878.800.661	1.564.909.441.237
Chi phí bộ phận	265.241.855.859	1.129.646.907.282	1.394.888.763.141
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>30.788.784.717</b>	<b>139.231.893.379</b>	<b>170.020.678.096</b>
<b>Các chi phí không phân bổ theo bộ phận</b>			<b>20.801.341.554</b>
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>149.219.336.542</b>
Doanh thu hoạt động tài chính			61.817.673.313
Chi phí tài chính			3.366.230.670
Chi phí bán hàng			6.940.601.134
Chi phí quản lý doanh nghiệp			13.860.740.964
Lợi nhuận khác			1.061.760.322
Chi phí thuế TNDN hiện hành			41.016.911.396
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế			167.715.627.567




**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**6. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**

Chỉ tiêu	ĐVT	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn</b>			
<b>1.1. Bố trí cơ cấu tài sản</b>			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	43,84%	62,45%
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	56,16%	37,55%
<b>1.2. Bố trí cơ cấu vốn</b>			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	32,77%	37,18%
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	67,23%	62,82%
<b>2. Khả năng thanh toán</b>			
<b>2.1. Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả</b>	<i>lần</i>	3,05	2,69
<b>2.2. Tài sản ngắn hạn/Tổng nợ n.hạn</b>	<i>lần</i>	1,34	1,68
<b>2.3. Tổng tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/Tổng nợ ngắn</b>	<i>lần</i>	0,45	0,79
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>		<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
<b>3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>			
- T/s lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	10,99%	15,57%
- T/s lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	10,30%	12,45%
<b>3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b>			
- T/s lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	2,85%	2,30%
- T/s lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	2,29%	1,84%
<b>3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH</b>	%	3,40%	3,14%

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Thảo

Kế toán trưởng



Lê Mạnh Hùng

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2017

**Tổng Giám đốc**



**Đỗ Quang Lâm**



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FLC FAROS**

Địa chỉ: Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024 32242600 - Fax: 024 32242601

B09a - DN

**Phụ lục 01A: Tàng, giám Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Đơn vị tính: đồng	
						Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>						
Số dư đầu năm	-	96.929.010.978	15.295.961.390	353.010.000		112.577.982.368
Số tăng lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	-	5.037.222.762	-	415.296.000		5.452.518.762
- Mua trong kỳ	-	5.037.222.762	-	-		5.037.222.762
- Đầu tư XCDB hoàn thành	-	-	-	-		-
- Tăng do điều chuyển từ các đơn vị	-	-	-	-		-
- Tăng khác	-	-	-	415.296.000		415.296.000
Số giảm lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	-	52.891.410.575	3.066.551.727	-		55.957.962.302
- Thanh lý, nhượng bán	-	52.476.114.575	3.066.551.727	-		55.542.666.302
- Giảm khác	-	415.296.000	-	-		415.296.000
Số dư cuối kỳ này	-	49.074.823.165	12.229.409.663	768.306.000		62.072.538.828
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	13.041.587.710	721.772.773	134.543.274		13.897.903.757
Số tăng lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	-	4.788.197.953	1.100.700.765	104.517.000		5.993.415.718
- Khấu hao trong kỳ	-	4.788.197.953	1.100.700.765	104.517.000		5.993.415.718
- Tăng do điều chuyển từ các đơn vị	-	-	-	-		-
- Tăng khác	-	-	-	-		-
Số giảm lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	-	7.308.159.126	469.691.672	-		7.777.850.798
- Thanh lý, nhượng bán	-	7.308.159.126	469.691.672	-		7.777.850.798
- Giảm khác	-	-	-	-		-
Số dư cuối kỳ này	-	10.521.626.537	1.352.781.866	239.060.274		12.113.468.677
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01.01.2017	-	83.887.423.268	14.574.188.617	218.466.726		98.680.078.611
Tại ngày 30.06.2017	-	38.553.196.628	10.876.627.797	529.245.726		49.959.070.151



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FLC FAROS**

Địa chỉ: Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024 32242600 - Fax: 024 32242601

B09a - DN

**Phụ lục 01B: Tăng, giảm Tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Đơn vị tính: đồng	
					Cộng	
<b>Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính</b>						
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-
Số tăng lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	-	-	2.269.720.000	-	-	2.269.720.000
- Mua trong kỳ	-	-	2.269.720.000	-	-	2.269.720.000
- Đầu tư XCDB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng do điều chuyển từ các đơn vị	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	-	-	2.269.720.000	-	-	2.269.720.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-
Số tăng lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	-	-	49.650.126	-	-	49.650.126
- Khấu hao trong kỳ	-	-	49.650.126	-	-	49.650.126
- Tăng do điều chuyển từ các đơn vị	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	-	-	49.650.126	-	-	49.650.126
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01.01.2017	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30.06.2017	-	-	2.220.069.874	-	-	2.220.069.874



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FLC FAROS**

B09a - DN

Địa chỉ: Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024 32242600 - Fax: 024 32242601

**Phụ lục 02: Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Đơn vị tính: đồng			
	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>Nguyên giá</b>	<b>998.571.134.300</b>	-	<b>5.490.403.653</b>	<b>993.080.730.647</b>
- Nhà và quyền sử dụng đất	998.571.134.300	-	5.490.403.653	993.080.730.647
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>1.592.421.902</b>	-	-	<b>1.592.421.902</b>
- Nhà và quyền sử dụng đất	1.592.421.902	-	-	1.592.421.902
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>996.978.712.398</b>	-	<b>5.490.403.653</b>	<b>991.488.308.745</b>
- Nhà và quyền sử dụng đất	996.978.712.398	-	5.490.403.653	991.488.308.745

- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT không dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay

- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT là BĐSĐT chờ tăng giá bán nên không trích khấu hao trong kỳ



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FLC FAROS**

Địa chỉ: Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024 32242600 - Fax: 024 32242601

B09a - DN

**Phụ lục số 03: Tình hình tăng giảm và khả năng trả nợ vay**

	<u>Số đầu kỳ</u>		<u>Phát sinh tăng, giảm</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	-	-	185.388.132.955	86.797.969.208	98.590.163.747	98.590.163.747
Ngân hàng Hdbank (*)			160.757.816.451	86.797.969.208	73.959.847.243	73.959.847.243
Ngân hàng NCB- CN Hà Nội (**)			24.630.316.504	-	24.630.316.504	24.630.316.504
<b>Vay dài hạn</b>	7.895.986.500	7.895.986.500	13.500	817.596.000	7.078.404.000	7.078.404.000
- Từ 1 đến 5 năm	7.895.986.500	7.895.986.500	13.500	817.596.000	7.078.404.000	7.078.404.000
<b>Thuế tài chính</b>	-	-	2.269.720.000	411.356.622	1.858.363.378	1.858.363.378
<b>Tổng cộng</b>	7.895.986.500	7.895.986.500	187.657.866.455	88.026.921.830	107.526.931.125	107.526.931.125

Đơn vị tính: đồng



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FLC FAROS**

Địa chỉ: Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024 32242600 - Fax: 024 32242601

B09a - DN

**Phụ lục số 03: Tình hình tăng giảm và khả năng trả nợ vay**

**Ghi chú**

**(\*) Khoản vay còn phải trả của Ngân hàng HDBank, số tiền 73.959.847.243 đồng, căn cứ:**

- Hợp đồng tín dụng số 0275/2016/HĐTDHM-DN/228 ngày 30/12/2016 giữa Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh, Chi nhánh Bình Định với Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros. Theo đó, hạn mức tín dụng cho vay là 100 tỷ đồng, thời hạn 12 tháng, lãi suất trong hạn được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ trên cơ sở lãi suất cho vay được Ngân hàng HDBank ban hành từng thời điểm trong suốt thời gian vay thực tế. Lãi suất quá hạn được tính bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích của khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động.

Biện pháp đảm bảo tiền vay bao gồm tài sản thế chấp, ký quỹ, cầm cố và bảo lãnh của bên thứ 3.

Tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của khoản vay này gồm có phiếu (3.333.334 Cổ phiếu ROS của Công ty TNHH FLC Land (Công ty liên quan với Công ty CP XD FLC Faros) theo Hợp đồng cầm cố chứng khoán số 0011/2017/HĐĐB/228 ngày 12/01/2017 và máy móc thiết bị theo Hợp đồng Thế chấp máy móc thiết bị số 0012/2017/HĐĐB/228 ngày 13/01/2017 và kèm theo một số điều kiện khác.

**(\*\*) Khoản vay còn phải trả của Ngân hàng NCB- Chi nhánh Hà Nội, số tiền 24.630.316.504 đồng, căn cứ:**

- Hợp đồng tín dụng số 001/2017/HĐHM-9213- FLCFAROS ngày 30/06/2017 giữa Ngân hàng TMCP Quốc dân với Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros. Theo đó, hạn mức tín dụng cho vay là 550 tỷ đồng, thời hạn sử dụng tối đa cho mỗi khoản vay theo từng lần giải ngân trong hạn mức, lãi suất theo thỏa thuận của hai bên theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích sử dụng khoản vay để thực hiện 05 dự án của Tập đoàn FLC. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại:

- Hợp đồng cầm cố chứng khoán niêm yết số 001/2017/HĐCCCK-9213- FLCFAROS giữa ngân hàng TMCP Quốc dân, chi nhánh Hà Nội với Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Phương Đông.

Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 001/2017/HĐTC-QĐN/104-9213- FLCFAROS giữa ngân hàng TMCP Quốc dân, chi nhánh Hà Nội với Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros.

Và các Hợp đồng thế chấp hoặc cầm cố hoặc hợp đồng đảm bảo khác sẽ ký kết giữa bên A, bên B hoặc bên Bảo đảm.





**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FLC FAROS**

Địa chỉ: Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024 32242600 - Fax: 024 32242601

B09a - DN

**Phụ lục 04: Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu****BẢNG ĐÓI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Nội dung	Đơn vị tính: đồng						Tổng cộng
	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác thuộc chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		
<b>1. Số dư đầu năm trước</b>	<b>3.037.500.000.000</b>	-	-	-	<b>111.696.854.227</b>	<b>3.149.196.854.227</b>	
- Tăng vốn trong kỳ này	1.262.500.000.000	-	-	-	-	1.262.500.000.000	
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	400.682.992.702	400.682.992.702	
- Giảm vốn trong kỳ này	-	(70.000.000)	-	-	-	(70.000.000)	
+ <i>Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	-	-	-	-	-	
<b>2. Số dư cuối năm trước</b>	<b>4.300.000.000.000</b>	<b>(70.000.000)</b>	-	-	<b>512.379.846.929</b>	<b>4.812.309.846.929</b>	
<b>3. Số dư tại ngày 01.01.2017</b>	<b>4.300.000.000.000</b>	<b>(70.000.000)</b>	-	-	<b>512.379.846.929</b>	<b>4.812.309.846.929</b>	
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	167.715.627.567	167.715.627.567	
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	34.769.318.484	34.769.318.484	
+ <i>Trả cổ tức</i>	-	-	-	-	-	-	
+ <i>Trích Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	-	-	-	-	
+ <i>Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	-	-	-	34.769.318.484	34.769.318.484	
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	
- Giảm khác	-	-	-	-	16.121.609.570	16.121.609.570	
<b>4. Số dư tại ngày 30.06.2017</b>	<b>4.300.000.000.000</b>	<b>(70.000.000)</b>	-	-	<b>629.204.546.442</b>	<b>4.929.134.546.442</b>	

